

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 /TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường
Chương: 046

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-STNMT ngày 12 /12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				Trung tâm Phát triển Quỹ đất
				Văn phòng Sở	Chi cục Quản lý đất đai	Chi cục Bảo vệ môi trường	Trung tâm Công nghệ thông tin	
1	2	3	4=5+6+...	5	6	7	8	
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí							
I	Số thu phí, lệ phí							
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại							
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước							
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước							
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.886,38	1.886,38	987,62	362,274	263,881	272,598	382,656
1	Chi quản lý hành chính	987,62	987,62	987,62	0	0	0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0						
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ nhà nước							
1.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	778,920	778,92	778,92				
1.4	KP tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	208,70	208,70	208,70				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ							
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề							
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình							
5	Chi bảo đảm xã hội							
6	Chi hoạt động kinh tế	1.017,528	1.017,528	0	362,274	0	272,598	382,656
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0					
6.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	746,232	746,232		256,116		203,688	286,428

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				Trung tâm Phát triển Quỹ đất
				Văn phòng Sở	Chi cục Quản lý đất đai	Chi cục Bảo vệ môi trường	Trung tâm Công nghệ thông tin	
6.4	KP tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	271,296	271,296		106,158		68,910	96,228
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	263,881	263,881	0	0	263,881		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0					
7.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2014 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	192,667	192,667			192,667		
7.4	KP tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	71,214	71,214			71,214		